

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
CMVIETNAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần CMVIETNAM (trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty và tăng vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần 15 ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc thay đổi tên Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.35738555
- Fax : 024.38564666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Phi	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Sơn Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Sơn Hùng	Trưởng ban	Ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	Ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Ngày 09 tháng 5 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2011
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019).

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc



Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0230/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

1-004
ÁNH
TY
HỮU
TƯ
C
NỘ
TP

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Các chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, “Trả trước cho người bán ngắn hạn”, “Phải thu ngắn hạn khác” và “Phải trả người bán ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đang theo dõi một số khoản công nợ đã phát sinh lâu ngày, do đó, Công ty không thực hiện được thủ tục đối chiếu xác nhận nợ với các bên, số tiền lần lượt là 13.927.265.023 VND, 264.820.000 VND và 6.475.874.189 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 14.778.061.948 VND, 21.540.049.741 VND và 6.038.825.952 VND, xem thêm thuyết minh V.3, V.4, V.6 và V.12). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về các số dư này, cũng như đánh giá ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (nếu có).
- Chỉ tiêu “Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đang theo dõi số dư Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Công trình Sông Bạc với số tiền là 21.361.631.990 VND, phát sinh từ năm 2013. Chúng tôi chưa nhận được các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng ghi nhận doanh thu của công trình này. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khả năng ghi nhận doanh thu tương ứng với giá trị dở dang của công trình này, cũng như số dự phòng tồn thất cần trích lập (nếu có).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		342.379.616.706	368.916.729.602
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.222.429.491	78.842.619.070
1. Tiền	111		8.198.495.245	78.842.619.070
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.023.934.246	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.512.144.112	23.456.942.464
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	44.512.144.112	23.456.942.464
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139.152.563.777	164.922.419.834
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	85.540.917.255	98.239.812.714
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	42.902.391.788	19.760.060.116
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	60.364.728.986	89.887.160.374
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(49.655.474.252)	(42.964.613.370)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		122.506.745.764	80.824.964.951
1. Hàng tồn kho	141	V.7	122.506.745.764	80.824.964.951
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.985.733.562	20.869.783.283
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.546.453.414	2.281.853.655
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.333.096.129	18.481.745.609
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	106.184.019	106.184.019
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		283.961.150.929	252.242.137.731
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.826.699.903	15.126.180.660
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	20.826.699.903	15.126.180.660
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		224.281.060.991	121.885.772.797
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	143.734.020.693	41.700.557.003
<i>Nguyên giá</i>	222		295.433.580.218	179.697.850.353
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(151.699.559.525)	(137.997.293.350)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	80.547.040.298	80.185.215.794
<i>Nguyên giá</i>	228		80.777.161.444	80.320.961.444
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(230.121.146)	(135.745.650)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	83.931.259.237
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	83.931.259.237
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		25.531.192.281	24.980.851.544
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	13.200.000.000	13.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	12.331.192.281	11.780.851.544
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.322.197.754	6.318.073.493
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.796.439.262	1.185.615.737
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21a	475.583.148	459.178.513
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.12	4.050.175.344	4.673.279.243
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		626.340.767.635	621.158.867.333

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		388.092.114.337	378.427.082.747
I. Nợ ngắn hạn	310		292.378.052.020	275.620.562.986
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	54.133.955.378	54.393.658.889
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	138.608.751.158	176.488.587.140
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.007.649.355	6.491.164.241
4. Phải trả người lao động	314		7.639.346.620	5.389.423.205
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	22.134.875.559	5.231.897.999
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	5.885.678.805	2.037.664.365
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.647.982.155	3.887.168.535
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	50.274.857.287	16.472.852.009
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	5.044.955.703	5.228.146.603
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		95.714.062.317	102.806.519.761
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	11.913.492.746	6.366.688.134
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	-	18.808.786
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	82.044.443.356	94.823.705.731
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21b	1.756.126.215	1.597.317.110
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		238.248.653.298	242.731.784.586
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	238.248.653.298	242.731.784.586
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(211.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.599.644.077	5.586.747.977
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.786.233.386	13.713.155.593
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.167.693.584	13.713.155.593
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.618.539.802	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		51.074.725.835	51.643.831.016
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		626.340.767.635	621.158.867.333

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Ngô Thị Trang

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		342.379.616.706	368.916.729.602
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.222.429.491	78.842.619.070
1. Tiền	111		8.198.495.245	78.842.619.070
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.023.934.246	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.512.144.112	23.456.942.464
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	44.512.144.112	23.456.942.464
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139.152.563.777	164.922.419.834
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	85.540.917.255	98.239.812.714
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	42.902.391.788	19.760.060.116
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	60.364.728.986	89.887.160.374
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(49.655.474.252)	(42.964.613.370)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		122.506.745.764	80.824.964.951
1. Hàng tồn kho	141	V.7	122.506.745.764	80.824.964.951
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.985.733.562	20.869.783.283
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.546.453.414	2.281.853.655
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.333.096.129	18.481.745.609
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	106.184.019	106.184.019
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	321.844.068.147	281.434.015.568
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		22.395.353	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		321.821.672.794	281.434.015.568
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	283.330.343.141	253.599.760.710
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.491.329.653	27.834.254.858
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.101.686.845	6.895.724.403
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.987.038.630	5.863.526.562
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.312.901.925	4.197.425.045
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.052.988.709	197.142.882
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	30.736.077.621	22.803.725.436
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.816.911.538	5.865.584.381
11. Thu nhập khác	31	VI.7	8.618.280.259	251.922.592
12. Chi phí khác	32	VI.8	7.658.928.172	4.674.315.218
13. Lợi nhuận khác	40		959.352.087	(4.422.392.626)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.776.263.625	1.443.191.755
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.516.990.443	1.430.484.156
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		142.404.470	795.717.545
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.116.868.712</u>	<u>(783.009.946)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>4.618.539.802</u>	<u>(193.699.997)</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>(501.671.090)</u>	<u>(589.309.949)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>269</u>	<u>(11)</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>269</u>	<u>(11)</u>

Người lập biểu

Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.776.263.625	1.443.191.755
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; 10	17.075.556.223	20.166.402.752
- Các khoản dự phòng	03	V.6	6.690.860.882	5.193.945.443
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(2.508.969.640)	(1.003.605.818)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.070.808.604)	2.336.911.660
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.312.901.925	4.197.425.045
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.275.804.411	32.334.270.837
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.702.425.124	(64.873.426.257)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(41.681.780.813)	(8.431.982.817)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(34.252.089.889)	129.072.804.554
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.875.423.284)	883.886.286
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.769.524.663)	(4.260.486.857)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(4.271.207.524)	(5.661.568.568)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(183.190.900)	(155.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(53.054.987.538)	78.907.997.178
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.387.994.061)	(88.985.145.642)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.194.115.454	7.272.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(41.214.000.000)	(28.672.942.464)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.451.514.196	5.114.867.874
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.983.487.713	1.036.823.419
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.972.876.698)	(104.233.669.540)

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	10.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	91.913.472.645	186.584.253.666
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(70.890.729.742)	(108.756.411.136)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.422.742.903	87.827.842.530
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(68.605.121.333)	62.502.170.168
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	78.842.619.070	16.342.314.041
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(15.068.246)	(1.865.139)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.222.429.491	78.842.619.070

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Trang



Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 05 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	33A Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ	59,63%	59,63%	59,63%	59,63%

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH CM Xây dựng (*)	Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp và Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông (*)	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Xây lắp và Thương mại	79,69%	79,69%	69,67%	69,67%

(*) 02 Công ty này là Công ty con của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại, theo đó là công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần CMVIETNAM.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin có trụ sở chính tại 32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty liên kết này là 23,32%, không thay đổi so với số đầu năm.

5d. Tình hình hoạt động của các Công ty con, công ty liên kết trong năm

Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại, Công ty TNHH CM Xây dựng, Công ty Cổ phần CM Thành Đông (Công ty con) hiện đã dừng hoạt động.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin (Công ty liên kết) đang trong quá trình đầu tư chưa phát sinh doanh thu.

Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường và Công ty Cổ phần CM Nha Trang đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 504 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 326 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí} \\ \text{SXKD phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng thực hiện trong kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5
Tài sản cố định khác	3

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	353.325.391	275.335.428
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.845.169.854	78.567.283.642
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	2.023.934.246	-
Cộng	10.222.429.491	78.842.619.070

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây đều có giá gốc bằng giá trị ghi sổ:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	44.512.144.112	23.456.942.464
Tiền gửi có kỳ hạn	44.512.144.112	23.456.942.464
Dài hạn	12.331.192.281	11.780.851.544
Tiền gửi có kỳ hạn	7.771.192.281	7.220.851.544
Trái phiếu (*)	4.560.000.000	4.560.000.000
Cộng	56.843.336.393	35.237.794.008

(*) Là 456 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm với lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,2%/năm. Trái phiếu này cùng 01 hợp đồng tiền gửi có giá trị 5.500.000.000 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	13.200.000.000	13.200.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư		
Cộng	13.200.000.000	13.200.000.000

Tập đoàn đã mua 1.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin (Vietin) với giá mua là 13.200.000.000 VND. Theo đó, từ ngày 20 tháng 12 năm 2017, Vietin chính thức trở thành Công ty liên kết của Tập đoàn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 1.320.000 cổ phiếu, tương đương 23,32% vốn điều lệ của Vietin.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang trong quá trình đầu tư, chưa phát sinh doanh thu.

Giao dịch với công ty liên kết

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	85.540.917.255	98.239.812.714
Công ty SK Engineering and Construction	24.965.033.664	25.526.849.978
Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV	10.420.515.242	11.386.469.408
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Việt Hoa	62.500.000	62.500.000
Công ty Cổ phần Anh Cao	55.850.000	55.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	8.219.169.047	8.219.169.047
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Bạc ⁽ⁱ⁾	13.927.265.023	13.927.265.023
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	2.267.704.120	2.267.704.120
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng	28.000.000	28.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	704.446.925	704.446.925
Các khách hàng khác	24.890.433.234	36.061.558.213
Cộng	85.540.917.255	98.239.812.714
Trong đó:		
⁽ⁱ⁾ Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	13.927.265.023	14.778.061.948

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	20.826.699.903	15.126.180.660
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4	5.153.965.000	7.081.782.000
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 1	2.691.000.000	2.691.000.000
Hazama Ando Corporation	4.196.936.760	2.644.671.304
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	2.438.779.542	947.185.562
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	3.125.857.400	-
Các khách hàng khác	3.220.161.201	1.761.541.794
Cộng	20.826.699.903	15.126.180.660

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	42.902.391.788	19.760.060.116
Công ty Cổ phần JIVC	8.780.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lan Linh	7.798.550.714	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Nông nghiệp Hà Nội	6.210.111.139	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	2.327.266.071	3.000.000.000
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Phoenix ⁽ⁱ⁾	264.820.000	264.820.000
Các nhà cung cấp khác	17.521.643.864	16.495.240.116
Cộng	42.902.391.788	19.760.060.116
Trong đó:	-	-
⁽ⁱ⁾ Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	264.820.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.978.095.964	-	729.185.502	-
Ông Nguyễn Ngọc Tú - Tạm ứng	1.533.667.308	-	356.206.119	-
Ông Dương Ngọc Trường - Tạm ứng	37.406.539	-	8.058.271	-
Ông Dương Ngọc Trường - Ứng trước tiền lương	312.061.446	-	364.921.112	-
Ông Kim Ngọc Nhân - Ứng trước tiền lương	94.960.671	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	58.386.633.022	(39.910.706.013)	89.157.974.872	(33.427.509.131)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.216.761.524	-	1.029.794.492	-
Tạm ứng	10.560.118.577	-	40.481.486.340	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	2.221.601.756	-	5.077.870.543	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	(21.540.049.741)	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272	(12.610.656.272)	12.610.656.272	(8.827.459.390)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	(5.700.000.000)	5.700.000.000	(3.000.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.537.445.152	(60.000.000)	2.718.117.484	(60.000.000)
Cộng	60.364.728.986	(39.910.706.013)	89.887.160.374	(33.427.509.131)
Trong đó:				
Công nợ chưa được xác nhận	-	-	21.540.049.741	-

6. Nợ xấu

Toàn bộ các khoản nợ xấu đều là nợ phải thu của các tổ chức không phải bên liên quan phát sinh từ các năm trước:

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Trên 3 năm	21.540.049.741	(21.540.049.741)	Trên 3 năm	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	Trên 3 năm	2.267.704.120	(2.267.704.120)	Trên 3 năm	2.267.704.120	(2.267.704.120)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	Trên 3 năm	704.446.925	(704.446.925)	Trên 3 năm	704.446.925	(704.446.925)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	Trên 3 năm	5.906.047.298	(5.906.047.298)	Trên 3 năm	5.906.047.298	(5.906.047.298)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	Trên 3 năm	5.700.000.000	(5.700.000.000)	Trên 3 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Trên 3 năm	12.610.656.272	(12.610.656.272)	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	12.610.656.272	(8.827.459.390)
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Thành Vương	Trên 3 năm	440.000.000	(440.000.000)	Trên 3 năm	440.000.000	(440.000.000)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	580.124.646	(486.569.896)	Trên 3 năm	283.461.791	(278.905.896)
Cộng		49.749.029.002	(49.655.474.252)		46.752.366.147	(42.964.613.370)

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	42.964.613.370	37.770.667.927
Trích lập dự phòng bổ sung	6.690.860.882	5.193.945.443
Số cuối năm	<u>49.655.474.252</u>	<u>42.964.613.370</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	2.595.780.551	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.902.332.428	-	12.559.816.151	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	3.306.569.329	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	111.858.663.581	-	62.224.205.074	-
Hàng hóa	2.745.749.755	-	138.593.846	-
Cộng	<u>122.506.745.764</u>	-	<u>80.824.964.951</u>	-

(*) Chi tiết theo các công trình, dự án như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Xenamnoy Gói 3	2.781.399.712	9.167.059.038
Dự án Sông Bạc	21.361.631.990	21.361.631.990
Dự án Dầu Tiếng	16.690.720.142	-
Gói thầu XL1 kênh Linh Cảm - Ngàn Trươi - Hà Tĩnh	9.375.526.535	1.893.824
Dự án Nậm Ngừm	5.655.470.416	-
Dự án Hồ bùn đỏ Lâm Đồng	5.975.477.645	5.975.477.645
Dự án Khoang số 3 Hồ bùn đỏ Lâm Đồng	7.111.868.747	7.111.868.747
Dự án Bình Định - Hồ núi 1	11.915.204.228	4.513.016.186
Các công trình, dự án khác	30.991.364.166	14.093.257.644
Cộng	<u>111.858.663.581</u>	<u>62.224.205.074</u>

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.732.912.746	1.540.946.206
Chi phí xuất nhập cảnh lao động	362.234.475	275.115.750
Phí bảo lãnh	115.331.652	278.270.782
Chi phí sửa chữa	106.742.071	86.239.044
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	229.232.470	101.281.873
Cộng	<u>2.546.453.414</u>	<u>2.281.853.655</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	6.575.748.463	262.048.970
Phí bảo lãnh	640.845.943	811.273.167
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.579.844.856	112.293.600
Cộng	<u>8.796.439.262</u>	<u>1.185.615.737</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.240.250.230	102.278.999.498	45.665.576.951	2.542.640.021	970.383.653	179.697.850.353
Mua trong năm	-	-	793.670.000	-	-	793.670.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	101.793.275.108	15.791.905.886	-	286.725.781	485.885.818	118.357.792.593
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.219.090.909)	(1.196.641.819)	-	-	(3.415.732.728)
Số cuối năm	130.033.525.338	115.851.814.475	45.262.605.132	2.829.365.802	1.456.269.471	295.433.580.218
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.282.981.818	45.479.170.922	37.629.328.253	740.280.788	970.383.653	91.102.145.434
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.919.851.799	84.611.583.031	41.236.374.749	1.259.100.118	970.383.653	137.997.293.350
Khấu hao trong năm	4.839.349.105	9.986.278.848	1.594.209.784	495.681.195	65.661.795	16.981.180.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.082.272.733)	(1.196.641.819)	-	-	(3.278.914.552)
Số cuối năm	14.759.200.904	92.515.589.146	41.633.942.714	1.754.781.313	1.036.045.448	151.699.559.525
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	18.320.398.431	17.667.416.467	4.429.202.202	1.283.539.903	-	41.700.557.003
Số cuối năm	115.274.324.434	23.336.225.329	3.628.662.418	1.074.584.489	420.224.023	143.734.020.693
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 133.852.489.996 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	80.073.506.444	209.455.000	38.000.000	80.320.961.444
Mua trong năm	-	246.200.000	210.000.000	456.200.000
Số cuối năm	80.073.506.444	455.655.000	248.000.000	80.777.161.444
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	38.000.000	38.000.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	97.745.650	38.000.000	135.745.650
Khấu hao trong năm	-	57.875.496	36.500.000	94.375.496
Số cuối năm	-	155.621.146	74.500.000	230.121.146
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	80.073.506.444	111.709.350	-	80.185.215.794
Số cuối năm	80.073.506.444	300.033.854	173.500.000	80.547.040.298
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

(*) Quyền sử dụng đất tại số 33A Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá trị 67.157.928.444 VND thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần CM Nha Trang (Công ty con) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Số cuối năm
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	-	16.078.631.667	(16.078.631.667)	-
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	83.931.259.237	18.347.901.689	(102.279.160.926)	-
Công trình Khách sạn				-
Nha Trang	83.931.259.237	18.347.901.689	(102.279.160.926)	-
Cộng	83.931.259.237	34.426.533.356	(118.357.792.593)	-

12. Lợi thế thương mại

Là khoản phát sinh khi mua Công ty con - Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.673.279.243	5.296.383.142
Số phân bổ vào chi phí trong năm	(623.103.899)	(623.103.899)
Số cuối năm	4.050.175.344	4.673.279.243

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Phải trả người bán****13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	54.133.955.378	54.393.658.889
Công ty TNHH Hưng Quang	1.032.595.132	7.972.438.482
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng ⁽ⁱ⁾	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Thịnh Cường ⁽ⁱ⁾	437.048.237	437.048.237
Các nhà cung cấp khác	46.625.486.057	39.945.346.218
Cộng	54.133.955.378	54.393.658.889
Trong đó:		
⁽ⁱ⁾ Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	6.475.874.189	6.038.825.952

13b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	11.913.492.746	6.366.688.134
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.979.182.278	2.979.182.278
Công ty TNHH Hòa Hiệp	1.588.606.000	2.401.825.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	1.453.601.500	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển C&D	1.397.378.558	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lan Linh	1.913.310.380	-
Các nhà cung cấp khác	2.581.414.030	985.680.856
Cộng	11.913.492.746	6.366.688.134

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	138.608.751.158	176.488.587.140
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh	56.300.000.000	56.513.137.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	5.400.000.000	35.000.000.000
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8	58.446.000.001	64.175.118.000
Các khách hàng khác	18.462.751.157	20.800.332.140
Cộng	138.608.751.158	176.488.587.140

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.839.465.303	106.184.019	2.432.999.209	(3.831.444.674)	441.019.838	106.184.019
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	397.998.426	(397.998.426)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	465.974.723	(465.974.723)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.411.713.319	-	1.516.990.443	(4.271.207.524)	1.657.496.238	-
Thuế thu nhập cá nhân	79.405.911	-	2.250.562.880	(633.222.093)	1.696.746.698	-
Các loại thuế khác	-	-	182.703.608	(130.896.735)	51.806.873	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	160.579.708	-	1.174.533.246	(1.174.533.246)	160.579.708	-
Cộng	6.491.164.241	106.184.019	8.421.762.535	(10.905.277.421)	4.007.649.355	106.184.019

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	22.134.875.559	5.231.897.999
Chi phí lãi vay phải trả	1.586.453.755	43.076.493
Trích trước chi phí công trình	11.308.955.272	2.712.329.736
Trích trước phí bảo vệ môi trường	2.375.906.000	2.375.906.000
Chi phí xây dựng khách sạn CM Nha Trang	6.717.974.762	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	145.585.770	100.585.770
Cộng	22.134.875.559	5.231.897.999

17. Doanh thu chưa thực hiện**17a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu nhận trước về cho thuê lán trại, văn phòng tại Dự án Ngàn Trươi	-	56.426.328
Doanh thu nhận trước vé máy bay Dự án Senji	5.059.940.150	1.981.238.037
Phí quản lý hợp đồng nhận trước	825.738.655	-
Cộng	5.885.678.805	2.037.664.365

17b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là tiền nhận trước về cho thuê lán trại, văn phòng tại Ngàn Trươi.

18. Phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	4.647.982.155	3.887.168.535
Kinh phí công đoàn	419.965.384	19.813.776
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	375.419.423	291.496.616
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.780.561.776	1.227.680.004
Cổ tức phải trả	1.262.480.000	1.262.480.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	809.555.572	1.085.698.139
Cộng	4.647.982.155	3.887.168.535

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Vay****19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	5.500.000.000	-
Bà Định Thị Thủy ⁽ⁱ⁾	5.500.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	29.800.150.287	11.012.797.676
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	8.999.999.007	-
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình	-	6.013.666.828
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	20.800.151.280	4.999.130.848
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱ⁾</i>	13.451.207.000	3.394.721.000
Ông Phạm Văn Tùng	7.345.207.000	3.388.721.000
Bà Ngô Thị Trang	6.006.000.000	6.000.000
Ông Trần Đức Huỳnh	100.000.000	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	1.523.500.000	2.065.333.333
Cộng	50.274.857.287	16.472.852.009

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Là các khoản vay không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%/năm, không xác định thời hạn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An để phục vụ hoạt động thi công xây lắp của Công ty, thời hạn vay 04 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng chứng chỉ tiền gửi có giá trị tối thiểu 5,5 tỷ đồng, trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành với tổng giá trị 4.560.000.000 VND và quyền đòi nợ từ các hợp đồng/công trình do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cấp tín dụng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch I để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thể chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay bên liên quan	-	11.825.940.000	-	(6.325.940.000)	5.500.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.012.797.676	52.006.268.673	-	(33.218.916.062)	29.800.150.287
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.394.721.000	20.130.000.000	-	(10.073.514.000)	13.451.207.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.065.333.333	-	1.523.488.667	(2.065.322.000)	1.523.500.000
Cộng	16.472.852.009	83.962.208.673	1.523.488.667	(51.683.692.062)	50.274.857.287

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Bru điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình ⁽ⁱ⁾	25.000.000	860.488.667
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	82.019.443.356	93.963.217.064
Cộng	82.044.443.356	94.823.705.731

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bru điện Liên Việt để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu theo từng khế ước từ 7,69% - 8%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay 02 đến 03 năm theo từng khế ước kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thể chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại Công ty Cổ phần CM Nha Trang để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư khách sạn CM Nha Trang tại số 33A Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 14 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn đến 31/03/2019. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, các trang thiết bị khác, các quyền tài sản khác thuộc Dự án đầu tư khách sạn CM Nha Trang.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.523.500.000	2.065.333.333
Trên 1 năm đến 5 năm	39.025.000.000	1.548.488.667
Trên 5 năm	43.019.443.356	93.275.217.064
Cộng	83.567.943.356	96.889.039.064

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	94.823.705.731	2.988.822.000
Số tiền vay phát sinh	7.951.263.972	94.175.217.064
Số tiền vay đã trả	(19.207.037.680)	(275.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.523.488.667)	(2.065.333.333)
Số cuối năm	82.044.443.356	94.823.705.731

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.198.345.315		-	3.198.345.315
Quỹ phúc lợi	1.764.585.364		(183.190.900)	1.581.394.464
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	265.215.924		-	265.215.924
Cộng	5.228.146.603		(183.190.900)	5.044.955.703

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Thuế thu nhập hoãn lại

21a. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Tập đoàn liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	459.178.513	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	16.404.635	459.178.513
Số cuối năm	<u>475.583.148</u>	<u>459.178.513</u>

21b. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.597.317.110	342.421.052
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	158.809.105	1.254.896.058
Số cuối năm	<u>1.756.126.215</u>	<u>1.597.317.110</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	5.195.161.084	14.214.735.033	42.316.848.415	233.514.794.532
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(193.699.997)	(589.309.949)	(783.009.946)
Trích lập các quỹ	-	-	391.586.893	(391.586.893)	-	-
Tặng/giảm khác	-	-	-	83.707.450	(83.707.450)	-
Số dư cuối năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	5.586.747.977	13.713.155.593	51.643.831.016	242.731.784.586
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	5.586.747.977	13.713.155.593	51.643.831.016	242.731.784.586
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.618.539.802	(501.671.090)	4.116.868.712
Trích lập các quỹ ở Công ty mẹ	-	-	12.896.100	(12.896.100)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	(8.600.000.000)	-	(8.600.000.000)
Tặng/giảm khác	-	-	-	67.434.091	(67.434.091)	-
Số dư cuối năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	5.599.644.077	9.786.233.386	51.074.725.835	238.248.653.298

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ/ĐHĐCĐ/CMVN ngày 26 tháng 4 năm 2019 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 12.896.100
• Chia cổ tức	: 8.600.000.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	214.572,05	751,84
Euro (EUR)	683,02	34.161,67
Kíp Lào (LAK)	1.307.939,80	9.277.557,80
Baht Thái Lan (THB)	13.182,46	16.626,55

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	6.297.156.493	398.136.563
Doanh thu khai thác quặng bauxite	42.142.885.934	25.778.084.263
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	29.946.726.949	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	809.496.458	686.818.192
Doanh thu hợp đồng xây dựng	239.607.075.041	250.894.998.460
Doanh thu khác	3.040.727.272	3.675.978.090
Cộng	321.844.068.147	281.434.015.568

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê nhà		
Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch HĐQT	163.636.364	150.000.003
Ông Kim Ngọc Nhân - Phó Chủ tịch HĐQT	163.636.364	150.000.003
Ông Dương Ngọc Trường - Phó Tổng Giám đốc	81.818.180	75.000.002

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.203.139.445	255.441.450
Giá vốn khai thác quặng bauxite	38.493.328.365	24.664.550.984
Giá vốn cung cấp dịch vụ khách sạn	13.275.261.146	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	371.404.644	396.870.634
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	223.194.749.699	227.455.843.902
Giá vốn khác	1.792.459.842	827.053.740
Cộng	283.330.343.141	253.599.760.710

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.647.571.326	1.299.676.721
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	83.002.284	21.923.687
Lãi đầu tư trái phiếu	365.940.000	360.240.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	639.082.629	4.210.278.177
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.508.969.640	1.003.605.818
Lãi được hưởng tương ứng với tiền bảo hành chủ đầu tư giữ lại	1.857.120.966	-
Cộng	9.101.686.845	6.895.724.403

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.312.901.925	4.197.425.045
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	674.136.705	1.666.101.517
Cộng	9.987.038.630	5.863.526.562

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.852.433.782	197.142.882
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	100.206.386	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	530.000	-
Các chi phí khác	99.818.541	-
Cộng	2.052.988.709	197.142.882

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.959.697.034	8.679.634.773
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.366.157.250	586.024.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.299.260.183	3.380.517.810
Thuế, phí và lệ phí	220.935.656	543.920.581
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.690.860.882	5.193.945.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.824.096.295	3.275.184.848
Các chi phí khác	4.375.070.321	1.144.497.691
Cộng	30.736.077.621	22.803.725.436

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.057.297.278	-
Thu từ bán vật tư, vận chuyển thiết bị	5.795.229.805	114.530.671
Thu nhập khác	765.753.176	137.391.921
Cộng	8.618.280.259	251.922.592

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.996.828.381
Chi phí bán vật tư, vận chuyển thiết bị	6.155.984.705	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.351.977.109	381.513.201
Chi phí khác	150.966.358	295.973.636
Cộng	7.658.928.172	4.674.315.218

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	4.618.539.802	(193.699.997)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.618.539.802	(193.699.997)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	17.200.000	17.200.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	269	(11)

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do Tập đoàn điều chỉnh Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế của Cục thuế thành phố Hà Nội (xem thêm Thuyết minh VII.3). Điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 15 VND xuống còn (11) VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.332.328.119	111.974.935.387
Chi phí nhân công	66.196.989.883	46.384.729.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.075.556.223	20.166.402.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.957.894.193	86.590.303.233
Chi phí khác	44.944.974.157	42.598.671.799
Cộng	<u>389.507.742.575</u>	<u>307.715.042.821</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Tập đoàn phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi nhập gốc	843.056.581	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Vay Ông Nguyễn Ngọc Tú	6.325.940.000	-
Trả tiền vay cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	6.325.940.000	-
Vay Bà Đinh Thị Thủy	5.500.000.000	-
Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	2.426.075.232	-
Tạm ứng cho Ông Dương Ngọc Trường	126.112.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thù lao	2.353.747.276	2.828.996.667
Phụ cấp	103.500.000	36.000.000
Cộng	2.457.247.276	2.864.996.667

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin là công ty liên kết. Tập đoàn không phát sinh giao dịch và không có công nợ với bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Tập đoàn như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	199.547.922.513	122.273.750.281	321.821.672.794
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.547.922.513	122.273.750.281	321.821.672.794
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	28.738.622.446	9.752.707.207	38.491.329.653
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(32.789.066.330)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			5.702.263.323
Doanh thu hoạt động tài chính			9.101.686.845
Chi phí tài chính			(9.987.038.630)
Thu nhập khác			8.618.280.259
Chi phí khác			(7.658.928.172)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.516.990.443)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(142.404.470)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			4.116.868.712
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	41.720.466.219	-	41.720.466.219
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	18.992.664.621	5.595.164.887	24.587.829.508

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	94.017.245.997	187.416.769.571	281.434.015.568
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	94.017.245.997	187.416.769.571	281.434.015.568
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.166.818.972	22.667.435.886	27.834.254.858
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(23.000.868.318)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			4.833.386.540
Doanh thu hoạt động tài chính			6.895.724.403
Chi phí tài chính			(5.863.526.562)
Thu nhập khác			251.922.592
Chi phí khác			(4.674.315.218)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.430.484.156)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(795.717.545)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(783.009.946)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	88.975.660.738	1.056.545.455	90.032.206.193
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.560.721.942	6.179.039.555	21.739.761.497
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Tập đoàn như sau:			
	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	361.601.189.846	53.909.585.557	415.510.775.403
Tài sản phân bổ cho bộ phận	56.977.036.586	34.912.896.388	91.889.932.974
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			118.940.059.258
Tổng tài sản			626.340.767.635
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	133.737.259.388	10.757.170.575	144.494.429.963
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	141.460.506.364	86.680.464.582	228.140.970.946
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			15.456.713.428
Tổng nợ phải trả			388.092.114.337
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	180.540.545.313	75.111.030.131	255.651.575.444
Tài sản phân bổ cho bộ phận	27.945.431.776	55.707.253.410	83.652.685.186
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			281.854.606.703
Tổng tài sản			621.158.867.333
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	170.315.183.036	11.975.965.953	182.291.148.989
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	61.026.396.096	121.651.829.871	182.678.225.967
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			13.457.707.791
Tổng nợ phải trả			378.427.082.747

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực Khai thác quặng
- Các lĩnh vực khác: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công, dịch vụ khách sạn.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực Xây lắp	239.607.075.041	250.894.998.460
Lĩnh vực Khai thác quặng	42.142.885.934	25.778.084.263
Các lĩnh vực khác	40.071.711.819	4.760.932.845
Cộng	321.821.672.794	281.434.015.568

3. Số liệu so sánh

Các sai sót

Công ty đã thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế của Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 22 tháng 5 năm 2019.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.745.075.543	3.746.088.698	6.491.164.241	(i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17.459.244.291	(3.746.088.698)	13.713.155.593	(ii)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	978.862.158	451.621.998	1.430.484.156	(iii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(331.387.948)	(451.621.998)	(783.009.946)	(iv)

(i) (ii) Điều chỉnh truy thu thuế TNDN các năm 2017 và 2018, số tiền lần lượt là 3.294.466.700 VND và 451.621.998 VND.

(iii) (iv) Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

